

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 437/2023/DS-ST

Ngày: 29 -9-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Ông Nguyễn Trung Chánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 732/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023; về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2023/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 348/2022/QĐST-DS ngày ngày 14 tháng 9 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Thạch Sua Đ**, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1/ Ông **Kim N**, sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do);

2/ Bà **Kim Thị Sóc K**, sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 20-10-2021 cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Thạch Sua Đ trình bày:

Anh có tham gia 01 phần trong các dây hội do ông Kim N và bà Kim Thị Sóc K làm đầu thảo cụ thể như sau:

- Dây hội số 24, 25, 26 và 27 loại 3.000.000 đồng, có 15 phần hội, hội mở ngày 23/02/2020 dương lịch, nửa tháng khui 01 lần. Trong danh sách ghi anh tên “**Chành Đ**”. Trong các dây hội này anh đã đóng hội sống được 06 lần hội sống với tổng số tiền vốn gốc là 28.530.000 đồng.

- Dây hội số 06 và 07 loại 3.000.000 đồng, có 16 phần hội, hội mở ngày 09/12/2019 dương lịch, nửa tháng khui 01 lần. Trong danh sách ghi anh tên “**Chanh Đ**”. Trong các dây hội này anh đã đóng hội sống được 11 lần hội sống với tổng số tiền vốn gốc là 15.050.000 đồng.

- Dây hội số 10, 11 và 12 loại 2.000.000 đồng, có 16 phần hội, hội mở ngày 09/12/2019 dương lịch, nửa tháng khui 01 lần. Trong danh sách ghi anh tên “**Chanh Đ**”. Trong các dây hội này anh đã đóng hội sống được 11 lần hội sống với tổng số tiền vốn gốc là 19.450.000 đồng.

- Dây hội số 04 loại 5.000.000 đồng, có 15 phần hội, hội mở ngày 06/4/2019 dương lịch, khui theo vụ lúa. Trong danh sách ghi anh tên “**Chà Đà Đ1**”. Trong các dây hội này anh đã đóng hội sống được 04 lần hội sống với tổng số tiền vốn gốc là 9.610.000 đồng.

Khi tham gia hội đầu thảo có phô tô danh sách hội viên cho anh. Các dây hội thỏa thuận miệng ai kêu thăm cao sẽ hốt hội, trừ hoa hồng đầu thảo trong dây hội 2.000.000 đồng là 600.000 đồng; trong dây hội 3.000.000 đồng là 900.000 đồng; trong dây hội 5.000.000 đồng là 2.500.000 đồng.

Nay anh yêu cầu ông Kim N và bà Kim Thị Sóc K trả số tiền hội cho anh số tiền đã đóng hội sống là 72.640.000 đồng của các dây hội nói trên. Anh không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N đã được triệu tập họp lệ tham gia hòa giải ba lần vào các ngày 21-12-2021; ngày 11-8-2022 và ngày 26-6-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ biểu phùng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Sua Đ. Buộc bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N trả tiền hộ sống mà anh Thạch Sua Đ đã đóng tổng cộng 72.640.000 đồng. Buộc bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Sua Đ khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hộ”. Đồng thời bị đơn bà Kim Thị Sóc K và ông Kim Ngọc cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh Sua Đ và bà K, ông N.

- Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Sua Đ yêu cầu bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N trả tiền hộ mà ông đã đóng tổng cộng bằng 72.640.000 đồng (loại hộ 2.000.000 đồng đây số 10, 11 và 12 mở ngày 09/12/2019 dương lịch; loại hộ 3.000.000 đồng đây hộ số 24, 25, 26 và 27 mở ngày 23/02/2020 dương lịch; đây số 06 và 07 mở ngày 09/12/2019 dương lịch và loại hộ 5.000.000 đồng đây số 4 mở ngày 06/4/2019 dương lịch). Anh không yêu cầu tính lãi hộ.

Xét hợp đồng góp hội giữa anh Sua Đ với bà K và ông N là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà K và ông N làm chủ hội của rất nhiều dây hội, loại hội khác nhau trong đó có loại hội 2.000.000 đồng dây số 10, 11 và 12 mở ngày 09/12/2019 dương lịch; loại hội 3.000.000 đồng dây số 24, 25, 26 và 27 mở ngày 23/02/2020 dương lịch; dây số 06 và 07 mở ngày 09/12/2019 dương lịch và loại hội 5.000.000 đồng dây số 4 mở ngày 06/4/2019 dương lịch. Sau khi úp hội đáng lẽ bà K và ông N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hội sống cho các hội viên đã tham gia góp hội, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên khi có yêu cầu, nên bà K và ông N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh Sua Đ nên anh Sua Đ khởi kiện bà K và ông N là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành công văn số 01/CV-TA ngày 14-4-2023 yêu cầu ông Kim N và bà Kim Thị Sóc K cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông, bà đối với đơn khởi kiện của anh Sua Đ và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gửi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hội viên do anh Sua Đ nộp để yêu cầu bà K và ông N đối chiếu danh sách hội viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hội sống cho bà K và ông N để ông, bà có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu ông Kim N và bà Kim Thị Sóc K và không đến Tòa án trình bày hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” (bút lục 178 và 179). Tất cả các văn bản trên đều được tổng đạt hợp lệ cho bà K và ông N nhưng đến hôm nay bà K và ông N vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến 02 dây hội mà anh Sua Đ khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn anh Sua Đ cung cấp được 10 danh sách hội viên của 10 dây hội mà anh khởi kiện. Bên cạnh đó, qua xem xét các bản án số 102/2022/DS-ST ngày 02-8-2022; bản án số 113/2022/DS-ST ngày 09-8-2023; bản án số 193/2022/DS-ST ngày 21-9-2023; bản án số 205/2022/DS-ST ngày 23-9-2023 và bản án số 210/2022/DS-ST ngày 23-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện T đều có những hội viên khác chơi chung các dây hội mà anh Sua Đ khởi kiện và những hội viên này nộp danh sách hội viên đều thể hiện anh Sua Đ có tham gia những dây hội này và chưa hết. Mặc dù số tiền hội sống đóng các lần giữa các bản án có chênh lệch với nhau chút ít. Tuy nhiên số tiền anh Sua Đ khởi kiện ít hơn số tiền các hội viên khác trình bày đã đóng nên việc này có lợi cho bị đơn nên không cần điều chỉnh lại. Qua lấy lời khai các hội viên chơi chung dây hội với anh S Đi cũng xác định được các dây hội anh Sua Đ tham gia vẫn chưa hết và số lần đóng hội sống như anh Sua Đ khai là đúng. Lời khai của các hội viên cũng cho thấy ông

N và bà K thống nhất cho bà K đại diện làm đầu thảo hui, ông N không phản đối và việc bà K làm đầu thảo cũng để phục vụ kinh tế gia đình. Từ những căn cứ trên cho thấy việc anh S Đi có chơi hui như anh trình bày là có thật, số tiền đóng hui sống đã được nêu trong công văn tổng đạt cho bà K và ông N nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Do đó yêu cầu của anh S Đi về việc buộc bà K và ông N trả tiền hui mà anh đã đóng tổng cộng bằng 72.640.000 đồng (loại hui 2.000.000 đồng dây số 10, 11 và 12 mở ngày 09/12/2019 dương lịch; loại hui 3.000.000 đồng dây hui số 24, 25, 26 và 27 mở ngày 23/02/2020 dương lịch; dây số 06 và 07 mở ngày 09/12/2019 dương lịch và loại hui 5.000.000 đồng dây số 4 mở ngày 06/4/2019 dương lịch) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch Sua Đ; Buộc bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N trả tiền hui mà anh đã đóng tổng cộng bằng 72.640.000 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Thạch Sua Đ không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Sua Đ.

Buộc bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N trả cho anh Thạch Sua Đ số tiền hui sống đã đóng là 72.640.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Kim Thị Sóc K và ông Kim N phải chịu 3.632.000 đồng án phí dân sự.

Anh Thạch Sua Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 356.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002684; 243.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002683; 188.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002682 và 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002681 cùng ngày 22-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho anh Thạch Sua Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Quyền

